

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 185/2018/HS-ST
Ngày 26-11-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương Giang

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Đình Tư

Bà Nguyễn Thị Vượng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Mai Hương - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Bình - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố B, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 183/2018/TLST-HS ngày 06 tháng 11 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 187/2018/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 11 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 83/2018/HSST-QĐ ngày 22/11/2018 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1985 tại huyện Y, tỉnh Nam Định; tên gọi khác: Không; nơi cư trú: Khu tái định cư H, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Dy T, sinh năm 1959 và Vũ Thị K, sinh năm 1958; có chồng là Vũ Quang H, sinh năm 1983 và 02 con (con lớn sinh năm 2005, con nhỏ sinh năm 2008).

Tiền án: Không.

Tiền sự: Ngày 21/9/2017, Trưởng Công an huyện C, tỉnh Lạng Sơn ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Nguyễn Thị T về hành vi “Cố ý gây thương tích” (đã nộp phạt ngày 25/9/2017).

Bị cáo bị bắt quả tang ngày 16/8/2018, bị tạm giữ từ ngày 16/8/2018, chuyển tạm giam từ ngày 19/8/2018. Hiện bị cáo bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang.

(Có mặt tại phiên tòa)

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Nguyễn Đắc T, sinh năm 1962, địa chỉ: Số nhà A đường D, phường K, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

(Có đơn xin vắng mặt)

* *Người chứng kiến:* Ông Đoàn Thế M, sinh năm 1959, địa chỉ: Số X, ngõ T, phường P, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 08 giờ 50 phút ngày 16/8/2018 tại đoạn đường trước cửa số nhà Z, đường L, phường H, thành phố B, Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về kinh tế và chức vụ phối hợp với Đội Cảnh sát giao thông Công an thành phố B tiến hành kiểm soát xe ô tô BKS 12A-067.68 do Nguyễn Đắc T điều khiển. Quá trình kiểm tra phát hiện bắt quả tang Nguyễn Thị T có hành vi vận chuyển hàng cấm (pháo nổ). Vật chứng thu giữ:

- Thu tại ghế sau xe ô tô phía bên trái T đang ngồi 01 thùng cát tông bên trong đựng 05 khối hộp, vỏ ngoài dán giấy màu, có gắn dây dẫn, bên trong mỗi hộp có 36 ống hình trụ (pháo giàn loại 36 quả/giàn).

- Thu tại cốp sau xe ô tô 04 thùng cát tông bên trong đựng 10 khối hình hộp, vỏ ngoài dán giấy màu, có gắn dây dẫn, bên trong mỗi hộp có 100 ống hình trụ (pháo giàn loại 100 quả/giàn) và 22 khối hình hộp, vỏ ngoài dán giấy màu, có gắn dây dẫn, bên trong mỗi hộp có 36 ống hình trụ (pháo giàn loại 36 quả/giàn).

Ngoài ra còn tạm giữ 01 xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA VIOS màu bạc BKS 12A-067.68, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 010656 mang tên Nguyễn Đắc T; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Mobell màu đen, viền màu đỏ, 01 điện thoại di động Nokia màu đen đã qua sử dụng của Nguyễn Thị T.

Cùng ngày, Cơ quan điều tra tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Nguyễn Thị T, quá trình khám xét không thu giữ đồ vật tài liệu gì.

Kết luận giám định số 4575/C09-P2 ngày 17/8/2018 của Viện khoa học hình sự, Bộ Công an kết luận: “Các mẫu vật gửi đến giám định đều là pháo có đầy đủ đặc tính của pháo nổ (có chứa thuốc pháo và khi đốt có gây tiếng nổ), tổng khối lượng là 77,8 kg (bảy mươi bảy phẩy tám kilôgam)”.

Quá trình điều tra, Nguyễn Thị T khai nhận như sau: Ngày 14/8/2018 T có gặp một người phụ nữ tên Hà (là người quen biết từ trước) ở khu vực chợ cũ, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Qua nói chuyện, biết T làm nghề vận chuyển hàng hóa thuê, Hà đặt vấn đề thuê T vận chuyển pháo từ thị trấn Đ về khu vực Quảng trường thành phố B với tiền công là 2.000.000 đồng và sẽ thanh toán toàn bộ chi phí đi lại, khi nào nhận được pháo

sẽ thanh toán tiền, T đồng ý. Hai người thỏa thuận với nhau về thời gian, địa điểm giao nhận pháo và Hà có xin số điện thoại của T để liên lạc. Đến chiều tối ngày 15/8/2018, khi T đang đi làm về thì có một người đàn ông không quen biết gọi điện thoại cho T nói là cứu vãn chở hàng đến, T hiểu là Hà cho người chở pháo đến để T vận chuyển theo thỏa thuận. T cho địa chỉ và bảo người cứu vãn chở hàng ra cổng sau nhà T ở khu tái định cư H, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Sau đó T cùng người cứu vãn bê 05 thùng cát tông được dán kín bằng băng dính có chứa pháo bên trong vào nhà T cất giấu. Đến tối cùng ngày, T gọi điện thoại cho anh Nguyễn Đắc T là lái xe taxi mà T đã từng đi trước đây để thỏa thuận giá cả và lộ trình di chuyển. Khoảng 06 giờ 30 phút ngày 16/8/2018 thì anh Nguyễn Đắc T đến nhà đón T, T tự tay bê 04 thùng cát tông có chứa pháo để ở cốp xe ô tô còn 01 thùng cát tông có chứa pháo T để ở ghế ngồi phía sau cạnh chỗ T ngồi và bảo anh Nguyễn Đắc T chở về khu vực Quảng trường thành phố B. Khi xe ô tô đi đến đoạn đường trước cửa số nhà Z, đường L, phường H, thành phố B thì bị tổ công tác Công an thành phố B kiểm soát và bắt quả tang thu giữ toàn bộ số pháo.

Vật chứng của vụ án gồm: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Mobell màu đen, viên màu đỏ, 01 điện thoại di động Nokia màu đen đã qua sử dụng cùng toàn bộ số pháo hoàn lại sau giám định được nhập kho vật chứng để xử lý theo quy định.

Tại bản cáo trạng số 196/CT-VKS ngày 05 tháng 11 năm 2018, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị T về tội “Vận chuyển hàng cấm” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 191 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng đã nêu, rất ăn năn hối hận về hành vi phạm tội của mình và xin Hội đồng xét xử cho hưởng mức án nhẹ nhất.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị T phạm tội “Vận chuyển hàng cấm”.
2. Về hình phạt: Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 191; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T từ 2 năm 3 tháng tù đến 2 năm 6 tháng tù. Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo T.
3. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu sung công quỹ nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Mobell màu đen, viên màu đỏ. Trả lại bị cáo 01 điện thoại di động Nokia màu đen đã qua sử dụng. Tịch thu tiêu hủy 05 thùng cát tông có chứa pháo hoàn lại sau giám định.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận với bản luận tội của Đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố B, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Về tội danh: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, chứng kiến và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Hồi 08 giờ 50 phút ngày 16/8/2018, tại đoạn đường trước số nhà Z, đường L, phường H, thành phố B, Nguyễn Thị T có hành vi vận chuyển trái phép 77,8 kg pháo nổ. Hành vi của bị cáo đã có đủ yếu tố cấu thành tội “Vận chuyển hàng cấm” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 191 của Bộ luật Hình sự. Viện kiểm sát nhân dân thành phố B truy tố các bị cáo theo tội danh và Điều khoản trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chế độ độc quyền của Nhà nước trong quản lý, tàng trữ, vận chuyển pháo, gây mất trật tự trị an tại địa phương, đe dọa tính mạng, sức khỏe của người khác. Do đó cần xử lý nghiêm bị cáo bằng pháp luật hình sự nhằm răn đe, giáo dục riêng và phòng ngừa chung cho loại tội này.

[4] Về nhân thân của bị cáo: Ngày 21/9/2017, Trưởng Công an huyện C, tỉnh Lạng Sơn ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Nguyễn Thị T về hành vi “Cố ý gây thương tích”.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, tỏ ra ăn năn hối cải nên cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự khi xem xét quyết định hình phạt đối với các bị cáo. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[6] Xét về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị

cáo.

[7] Đối với anh Nguyễn Đắc T là lái xe taxi chở T và 05 thùng cát tông chứa pháo nhưng anh Tú không biết trong thùng cát tông có chứa pháo và không được T cho biết về việc vận chuyển pháo nên không phạm tội. Ngày 21.8.2018 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại chiếc xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA VIOS màu bạc BKS 12A-067.68 và 01 chứng nhận đăng ký xe ô tô số 010656 cho anh Tú.

[8] Đối với người phụ nữ tên Hà thuê T vận chuyển pháo do T khai không lưu số điện thoại của Hà, không biết họ tên đầy đủ, địa chỉ cụ thể và Hà chưa từng liên lạc với T qua điện thoại; đối với người cử vận chở pháo đến cho T do T khai không quen biết và khi cùng người cử vận bê 05 thùng cát tông có chứa pháo vào nhà T cất giấu xong thì T đã xóa số điện thoại của người cử vận đó đi và không nhớ số điện thoại đó nên không đủ căn cứ xác minh xử lý đối với hai đối tượng này.

[8] Về vật chứng của vụ án: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Mobell màu đen, viền màu đỏ bị cáo đã sử dụng để liên lạc trong quá trình phạm tội nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước. 01 điện thoại di động Nokia màu đen đã qua sử dụng không liên quan đến hành vi phạm tội cần trả lại cho bị cáo. 05 thùng cát tông có chứa pháo hoàn lại sau giám định là vật nhà nước cấm lưu hành nên cần tịch thu tiêu hủy.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Cần tiếp tục tạm giam bị cáo trong thời hạn 45 ngày để đảm bảo thi hành án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị T phạm tội “Vận chuyển hàng cấm”.
2. Về mức hình phạt: Căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 191; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T 02 năm 03 tháng tù. Thời gian tù tính từ ngày 16/8/2018. Miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo T..
3. Về vật chứng: Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu sung công quỹ nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Mobell màu đen, viền màu đỏ. Trả lại bị cáo 01 điện thoại di động Nokia màu đen đã qua sử dụng. Tịch thu tiêu hủy 05 thùng cát tông có chứa pháo hoàn lại sau giám định.
4. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.
5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên

án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự ./.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố B;
- Công an thành phố B;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- Chi cục THADS TP Bắc Giang;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hương Giang